

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2023/DS-PT

Ngày: 05-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân

Ông Nguyễn Ngọc Sâm

- Thư ký phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05/7/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Vũ Quang Đ, sinh năm 1965 và bà Mạc Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 11/11/2021, được công chứng tại Văn phòng công chứng TN); có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Nho H, sinh năm 1973; địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Viết H1-
Luật sư Công ty luật TNHH MTV NS; địa chỉ: Phường H, thành phố T, TP. H;
có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm
1975; địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Bá D, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện B, tỉnh
Đắk Lắk; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn V; địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện B,
tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Nho H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T1
trình bày:*

Vợ chồng ông Đ, bà T có quen biết ông H khoảng năm 1996, do có quan
hệ quen biết nên ông Đ, bà T có cho ông H vay số tiền 200.000.000 đồng vào
ngày 22/12/2010, khi vay hai bên có viết giấy tay cùng ngày, do ông H tự tay
viết và ông H ký. Khi vay hai bên thỏa thuận về lãi suất theo lãi suất Ngân hàng,
không thỏa thuận thời gian trả nợ. Ông Đ, bà T đã giao đủ tiền cho ông H nhưng
không lập biên bản giao nhận tiền. Từ khi cho vay cho đến nay ông Đ, bà T đã
nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông H không chịu trả. Nên ông Đ, bà T
khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho ông Đ, bà T số tiền nợ gốc là 200.000.000
đồng .

Về lãi suất: Ông Đ, bà T yêu cầu ông H phải trả tiền lãi với mức lãi là
1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 22/12/2010 đến ngày xét xử vụ án ngày
06/02/2023 và tiếp tục tính lãi như trên kể từ ngày tiếp theo đến khi ông H thanh
toán xong nợ.

Về khoản vay cà phê nhân xô: Ông Đ, bà T xác định giữa ông Đ, bà T và
ông H không có việc mua bán cà phê với nhau. Nhưng do quen biết nên cho ông
H vay 3 lần tổng số lượng 16.685kg cà phê nhân xô đủ độ, khi chốt việc vay cà
phê bà T có viết giấy ngày 21/01/2012 dương lịch, còn ông H ký và ghi rõ họ tên,
không ghi thời gian trả, không thỏa thuận về lãi suất. Đến nay ông Đ, bà T đã
nhiều lần yêu cầu nhưng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông Đ, bà T
khởi kiện yêu cầu ông H có trách nhiệm trả cho ông Đ, bà T số lượng cà phê
này.

Đối với vợ ông H là bà Nguyễn Thị L dù được ghi tên trong giấy nhưng
bà L không ký giấy chốt việc vay cà phê nên ông Đ, bà T không yêu cầu bà L

phải cùng ông H có nghĩa vụ trả số lượng cà phê nêu trên và số tiền vay cho ông Đ, bà T.

Về việc mua bán đất giữa ông Đ, bà T với ông H, với ông D, bà N, ông T2 đều đã thực hiện xong, không liên quan đến các khoản nợ, đối với bản nháp không ghi năm, chỉ ghi ngày 26/2/, ngày 10/3/ ghi cả mặt trước và mặt sau và một giấy ghi bằng bút mực tím do ông H xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm có thể hiện nội dung về việc trừ số lượng cà phê, các khoản tiền khác thì do bà T ghi, nhưng nội dung chỉ thể hiện nguyên đơn ghi về việc dự kiến ông H sẽ trả nợ, chứ hai bên chưa tính toán trên thực tế, không có ký xác nhận của hai bên nên không có giá trị chứng minh việc ông H đã trả xong các khoản nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

**** Nguyên đơn ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T trình bày:***

Ông Đ, bà T thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày và bổ sung các ý kiến đối với các lời khai, chứng cứ của ông Nguyễn Nho H đã trình bày và cung cấp, cụ thể:

Tại các phiên làm việc, đối chất tại Tòa án cũng như các chứng cứ mà ông H cung cấp tại Tòa án, việc ông H cho rằng không vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 22/12/2010 mà chỉ ký chơi vào giấy, không nhận tiền là hoàn toàn sai sự thật.

Đối với số nợ 16.685 kg cà phê nhân xô theo giấy ghi ngày 21/02/2012 dương lịch. Tại phiên tòa ông Đ, bà T thừa nhận đối với giấy nợ cà phê này thì thực tế mỗi lần ông H sang gặp ông Đ, bà T mượn nợ cà phê từng lần đều quy ra giá tiền tại thời điểm đó nhân ra thành tiền và giao tiền cho ông H, chứ không giao cà phê nhân xô cho ông H, số lần mượn tiền là khoảng 3, 4 lần nhưng ông Đ, bà T không còn nhớ rõ, không có chứng cứ chứng minh về việc mượn tiền quy thành cà phê nhân xô. Sau đó hai bên thống nhất lập giấy nợ nêu trên ghi nhận việc ông H nợ ông Đ, bà T số lượng 16.685 kg cà phê nhân xô.

Tại các phiên làm việc ban đầu ông H khai, chỉ tính mượn cà phê sau đó không mượn nữa, sau đó ông H cho rằng ông H mua đất với vợ chồng tôi là 03 héc ta, sau đó hai bên quy tiền mua đất của ông H thành cà phê nhân xô nên có số nợ trên, đồng thời ông H đã đứng ra bán đất cho ông Nguyễn Bá D, ông Nguyễn Hữu T2 (đã chết) và vợ chồng bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Văn V, đã dùng tiền bán đất để trả hết số nợ tiền đất cho ông Đ, bà T là không đúng. Sau đó ông H lại nài ra tờ giấy mà bà T ghi nháp đó là tờ giấy không đề năm, chỉ ghi ngày 26/2 và 10/3 và cho rằng ông Đ, bà T đã nhận số lượng cà phê nhân xô là 7.350 kg và đã chốt trả số lượng cà phê nhân xô còn lại, thanh toán hết nợ cho ông Đ, bà T là hoàn toàn không đúng sự thật. Việc sang nhượng đất giữa ông Đ, bà T và ông Nguyễn Bá D, ông Nguyễn Hữu T2 và bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn V đều do vợ chồng ông Đ, bà T đứng ra ký kết các giấy sang

nhượng vì đất đứng tên vợ chồng ông Đ, bà T. Thực tế ông Đ, bà T chỉ bán một phần đất cho ông H, bà L, phần diện tích đất còn lại là vợ chồng ông Đ, bà T cho ông H, bà L làm thuê khoán, ông H và bà L đóng sản lượng cho ông Đ, bà T, sự việc mua bán đất được các ông Đ, bà N xác nhận.

Đối với tờ giấy được bà T nháp ghi ngày 26/2 và 10/3, bản gốc do bà T giữ, đã được giao nộp tại phiên tòa, thể hiện việc chốt cà phê là do bà T viết nháp, viết trước thời điểm hai bên lập giấy nợ ngày 21/01/2012 dương lịch, mục đích là dự kiến thời gian để ông H có lộ trình trả nợ chứ không có giá trị pháp lý vì hai bên đều không ký xác nhận, thực tế ông H cũng chưa trả bất kỳ khoản nợ nào cho ông Đ, bà T. Do đó, ông Đ, bà T không đồng ý với các ý kiến của ông H đã trình bày và các chứng cứ do ông H cung cấp.

Ông Đ, bà T giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện như người đại diện theo ủy quyền của mình đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, buộc ông H phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi suất phát sinh trên số nợ này từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án và số lượng 16.685kg cà phê nhân xô.

Tại biên bản đối chất ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, bà Mạc Thị T trình bày:

Chúng tôi không đứng ra vay hộ cho ông H tại ngân hàng số tiền 200.000.000đ. Hợp đồng vay ngân hàng Agribank P chúng tôi vay rất nhiều nên Hợp đồng vay ngân hàng mà bị đơn cung cấp không liên quan gì đến khoản vay giữa chúng tôi với ông H.

Khoản vay 200 triệu vay ngày 22/12/2010 là ông H trực tiếp vay tôi và chưa trả. Số tiền 243.500.000 đồng là tiền tôi tự vay ngân hàng, các khoản còn lại là tiền của tôi dùng cho công việc của tôi, không liên quan đến khoản tiền ông H vay chúng tôi. Đối với việc mua đất rẫy là đất của tôi bán cho bà N, ông V; không liên quan gì đến số tiền ông H vay tôi. Việc giao dịch mua bán đất giữa tôi với bà N, ông V thì bà N, ông V trực tiếp trả tiền cho tôi, không liên quan gì đến ông H.

Các giấy ghi tay ông H cung cấp là chữ do tôi ghi, tuy nhiên, đây chỉ là giấy nháp, những số liệu và nội dung tôi ghi ra là dự kiến cho ông H trả tiền cho chúng tôi, chứ hai bên chưa tất toán với nhau và ông H chưa trả tiền trên thực tế nên ông H không có lấy lại giấy vay nợ 200 triệu đồng và giấy vay cà phê số lượng 16.685kg và ông H không cung cấp được tài liệu, chứng minh được ông H đã trả nợ cho tôi.

Hơn nữa trong giấy ghi tay do ông H cung cấp, có số tiền 250 triệu đồng và 600 triệu đồng ông H không giải trình được, đây là tiền cá nhân của tôi, không liên quan đến ông H, chứng minh giấy tay do ông H cung cấp là do tôi ghi nháp, không có giá trị dùng để tất toán khoản vay của chúng tôi với ông H. Tôi không biết vì lý do gì ông H lấy được và cung cấp cho Tòa.

*** Bị đơn ông Nguyễn Nho H trình bày:**

Đối với giấy vay tiền ghi ngày 22/12/2010: Giấy này là do tôi viết toàn bộ nội dung và ký tên chữ “H” cũng là do tôi viết, giấy này viết tại nhà bà T nhưng thực tế tôi không vay tiền của ông Đ, bà T, không nhận số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Lý do tôi viết giấy là do lúc đầu có ý định vay tiền ông Đ, bà T nên viết giấy này nhưng sau đó tôi không vay, cũng không lấy lại giấy viết tay ngày 22/12/2010, mà để lại chỗ bà T. Nay ông Đ, bà T yêu cầu tôi phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh với mức 1%/tháng, tính từ ngày 22/12/2010 đến ngày xét xử xong vụ án, tiếp tục trả lãi đến khi trả nợ xong thì tôi không chấp nhận.

Đối với giấy viết tay mượn cà phê ghi ngày 21/01/2012 dương lịch: Tôi xác định nội dung chữ viết trong giấy ngày 21/01/2012 dương lịch là do bà T viết, còn chữ ký, chữ viết tên tại chỗ người mượn là của tôi ký và viết ra, nhưng thực tế tôi không hề vay mượn số lượng cà phê nhân xô 16.685 kg, không được nhận số lượng cà phê này. Quá trình giải quyết vụ án tôi có trình bày lý do tôi ký giấy viết tay ngày 21/01/2012 dương lịch vì ban đầu tôi và vợ tôi có ý định vay mượn của ông Đ và bà T số lượng 16.685kg cà phê, lúc viết giấy chỉ có một mình tôi, không có vợ tôi tham gia, sau đó vợ tôi không đồng ý vay mượn số lượng cà phê trên nên tôi cũng không vay nữa. Nhưng thực tế do chúng tôi còn nợ khoản tiền mà tôi mua rẫy với vợ chồng ông Đ, bà T nên hai bên có quy thành cà phê với số lượng 16.685 kg, sau đó tôi đã thanh toán xong cho ông Đ, bà T, cụ thể như giấy mà bà T đã viết vào ngày 26/2 và 10/3 năm 2012, viết sau ngày lập giấy nợ 21/01/2012 dương lịch, cụ thể:

+ Chốt 16.685 kg - 7350 kg = 9.335 kg, tức là sau khi trừ đi số lượng 7.350kg đã chốt trả thì tôi còn nợ là 9.335kg.

Sau đó bà T tiếp tục chốt thêm 9.335 kg, cụ thể:

+ Ngày 26/02/2012 chốt 5.000 kg, ngày 10/3/2012 chốt tiếp 4.335 kg, tổng số cà phê bà T đã chốt là 9.335kg.

Như vậy, số lượng cà phê 16.685 kg cà phê nhân xô mà tôi còn nợ đã trả xong cho bà T, ông Đ.

+ Số cà phê nêu trên khi được quy ra từ tiền đất rẫy, vì tôi mua đất rẫy từ ông Đ, bà T, với giá 750.000.000 đồng cho 3 hecta, chưa trả được nợ nên ông Đ, bà T quy ra thành cà phê nhân nên mới có việc quy ra thành tiền, cụ thể:

+ Số lượng 7.350 kg trước đó đã trả cho bà T, tôi không nhớ cụ thể ngày tháng năm.

+ Ngày 26/02/2012 chốt 5000 kg, giá 40.400 đồng/kg = 202.000.000 đồng x với mức lãi 2,5% x 14 ngày, với tiền lãi là 2.350.000 (lãi này phát sinh từ số lượng 9.335kg).

+ Ngày 10/3/2012 chốt 4335 kg, giá 40.200 đồng/kg = 174.267.000 đồng. Tổng cộng hai lần chốt là 378.617.000 đồng (1).

+ Ngoài ra, tiền lãi 5.210.000 đồng là tiền lãi Ngân hàng, số tiền lãi này bà T đã chi (2).

Như vậy, tổng số tiền tại ngày chốt nợ là (1) + (2) tức là 378.617.000 đồng + 5.210.000 đồng = 383.827.000 đồng.

Tại thời điểm chốt thì tôi còn nợ ông Đ, bà T số tiền là 383.827.000 đồng. Số tiền nợ này được trừ đi số tiền 41.480.000 đồng là tiền thừa của Ngân hàng do bà T vay tiền giúp tôi, vì đất mua của bà T (diện tích 2,1 héc ta, bà T, ông Đ chưa sang bìa cho tôi). Sau khi trừ đi số tiền thừa này thì tôi còn nợ bà T là 342.347.000 đồng.

Ngoài ra số tiền đặt cọc đất 50.000.000 đồng ghi trong giấy là tiền tôi bán đất cho bà N, trong đó có diện tích đất 1 sào nằm ngoài bìa đỏ của ông Đ, bà T, liền kề với đất tôi đã bán cho bà N, nên số tiền 50.000.000 đồng tôi đưa cho bà T vì vậy trong giấy mới trừ đi số tiền này.

Sau khi trừ đi 50.000.000 đồng thì tổng số tiền tôi còn nợ bà T, ông Đ là 292.347.000 đồng. Số tiền nợ 292.347.000 đồng sau khi nhận tiền đất từ bà N tôi đã chuyển sang cho ông Đ, bà T. Sau đó ông Đ, bà T đã làm thủ tục sang tên cho tôi lô đất 2,1 héc ta (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 26, diện tích theo giấy CNQSDĐ là 21.118m²) đã được sang bìa đỏ cho tôi và vợ, hiện nay diện tích này vẫn do tôi sử dụng không chuyển nhượng cho ai. Từ đó tôi không còn nợ ông Đ, bà T bất kỳ khoản nào.

Từ những lý do trên tôi không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ và bà T, đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện, vì một thời gian dài tôi đã thanh toán xong hết các khoản nợ tiền mua đất và gia đình tôi đã được cấp giấy chứng nhận từ năm 2012. Tuy nhiên, đến năm 2021 ông Đ, bà T mới khởi kiện là hoàn toàn không có căn cứ.

Tại biên bản đối chất ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Nho H trình bày:

Bà T có vay hộ ngân hàng P cho tôi số tiền 200.000.000đ vào ngày 25-01-2011 dương lịch tức ngày 22/12/2010 âm lịch, sau đó bà T bắt tôi ghi giấy vay 200.000.000 đồng vào ngày 22/12/2010.

Khoản vay 200 triệu vay ngày 22/12/2010, chúng tôi đã trả như sau: Sau khi tôi bán đất cho bà N, số tiền 350.000.000 đồng, thì tiền bán đất bà N đã trực tiếp trả cho bà T số tiền 350.000.000 đồng.

Trong đó bà T đưa trả cho ngân hàng P 243.500.000 đồng, bà T kê các khoản tiền khác như: Tiền lãi ngày 3.700.000đ, lãi ngày 4.500.000đ (những khoản này tôi không nhớ vì tôi với bà T làm ăn với nhau và vay mượn nhiều lần); 300.000đ thuế E, 80.000đ môi trường E, 300.000đ thuế môi trường, 500.000đ phạt trả trước hạn, 500.000đ làm hồ sơ; 6.000.000đ tiền chi. Tổng tiền bà T tự ghi bà T chi ra là 259.430.000 đồng.

- Số tiền 350.000.000đ bà N trả trực tiếp cho bà T, bà T trừ đi 50.000.000đ tiền cọc đất tôi nhận từ ông V, bà N thì còn 300.000.000đ bà T trừ cho 259.430.000đ tiền bà T chi ra thì còn dư của tôi 40.570.000đ, cộng số tiền 910.000đ là tiền lãi từ số tiền 40.570.000đ trong 27 ngày. Số tiền còn lại là 41.480.000đ là tiền thừa của tôi.

Tôi mua 3ha diện tích đất rẫy cà phê của bà T, quy ra thành 16.685kg cà phê. Chứ tôi không vay cà phê của bà T, để chứng minh đây là đất của tôi thì căn cứ giấy mua bán đất rẫy giữa ông V, bà N với bà T thì tôi là người nhận các khoản tiền 50.000.000 đồng và khoản tiền mua đường, mua điện nước 100.000.000 đồng.

Tại giấy ghi ngày 26-2 và ngày 10-3 âm lịch bà T ghi chót 16.685 kg - 7350 kg = 9.335 kg, tức là sau khi trừ đi số lượng 7.350kg đã chót trả thì tôi còn nợ là 9.335kg.

- Ngày 26-02 (không ghi năm) nhưng tôi nhớ là năm 2012, chót 5.000kg cà phê giá 40.400đ/kg = 202.000.000đ. Số tiền này bà T tính lãi là 2,5% x 14 ngày = 2.350.000đ.

- Ngày 10-3 (âm lịch), không ghi năm nhưng tôi nhớ là năm 2012, chót 4.335kg cà phê giá 40.200đ = 174.267.000đ. Số tiền chót 2 ngày trên cộng lại với nhau là 378.617.000đ, bà T cộng thêm 5.210.000đ tiền lãi và phạt ngân hàng, là 383.827.000đ. Trừ đi tiền thừa ngân hàng 41.480.000đ. Còn lại tôi nợ bà T là 342.347.000đ. Trừ tiếp đi 50.000.000đ tiền cọc đất (là tiền cọc đất ngày 15/3/2012 tôi nhận của bà N, ông V), còn nợ lại bà T số tiền 292.347.000đ.

Ngày 11-4, không ghi ngày nhưng tôi nhớ là năm 2012, bà N, ông V đưa cho bà T 180 triệu, bà T (trả lại cho ông V 10 triệu), trừ 1 triệu chi phí gì đó tôi không nhớ, còn 179 triệu đồng. Bà T tính lãi trên 179 triệu đồng trong 1 tháng 22 ngày là 7.755.000 đồng, cộng thêm 80 triệu đồng tôi đã trả cho bà T ngày 2-6, tổng cộng tôi đã trả cho bà T số tiền 266.755.000đ.

- Số tiền 292.347.000đ là tiền gốc tôi nợ bà T từ 10-3-2012 dương lịch, đến ngày 2-6-2012 bà T tính lãi 2 tháng 22 ngày là 19.950.000 đồng. Tổng cộng tôi nợ bà T gốc và lãi là 312.297.000đ, cộng thêm 1.220.000đ là tiền hội làng đóng cho bà T. Tổng cộng tôi nợ bà T là 313.517.000đ - 266.755.000đ (tôi đã trả cho bà T) = 46.762.000đ, bà T ghi tính đến 2-6 còn nợ T 46.762.000đ. Tôi xác định số tiền 46.762.000đ tôi cũng đã trả cho bà T nên bà T mới đưa lại giấy gốc bà T ghi cho tôi. Trước đây do thời gian đã quá lâu tôi không nhớ, sau này tìm lại được giấy tờ bà T ghi tôi nhớ lại cụ thể như tôi đã trình bày. Tôi xác định tôi đã trả cho bà T xong các khoản nợ nên tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Tôi thống nhất với ý kiến của chồng tôi là ông Nguyễn Nho H, theo như các giấy vay thì tôi không liên quan và hoàn toàn không biết. Tôi chỉ biết là vợ chồng tôi có nợ tiền mua đất với ông Đ, bà T và đã thanh toán đầy đủ, gia đình tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012 nên ông Đ, bà T khởi kiện là không đúng nên tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà T.

**** Người làm chứng ông Nguyễn Bá D trình bày:***

Vào năm 2009 ông D có đến huyện Krông Búk, biết ông Nguyễn Nho H bán rẫy cà phê nên ông D có liên hệ mua với diện tích 8.600m². Tuy nhiên, ông H nói giấy chứng nhận (bìa đỏ) đứng tên ông Đ, bà T, do đó đến ngày 18/2/2009 thì ông H có đưa ông D đến nhà ông Đ, bà T và làm giấy sang nhượng, ông Đ, bà T yêu cầu trả đủ tiền cho ông Đ, bà T với giá 30.000.000 đồng/sào. Đến ngày 16/6/2009 thì ông D đã trả đủ tiền cho ông Đ, bà T. Còn việc ông H nợ tiền, nợ cà phê nhân xô của ông Đ, bà T hay không thì ông D không biết. Ông D cũng xác định không nghe hay có thỏa thuận gì về việc tiền mua đất của ông được ông H dùng để khấu trừ nợ.

**** Người làm chứng bà Phạm Thị N trình bày:***

Vào năm 2012, gia đình bà N có hỏi mua của vợ chồng ông Nguyễn Nho H và bà Nguyễn Thị L một mảnh rẫy cà phê diện tích khoảng 1 hecta, sau khi thỏa thuận giá xong thì bà N hỏi rẫy đứng tên ai, thì ông H nói rẫy đứng tên ông Đ, bà T nên bà N nói rẫy đứng tên ai thì làm giấy mua bán với người đó. Sau đó ông H đưa bà N đến nhà bà T để làm giấy sang nhượng, gia đình bà N đưa cho ông Đ, bà T số tiền cọc là 350.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đưa sau khi giao bìa. Đến ngày 11/4/2012 gia đình bà N đã trả đủ số tiền 190.000.000 đồng còn lại, tổng cộng gia đình bà N đã đưa cho ông Đ, bà T số tiền 540.000.000 đồng. Ngoài việc mua bán rẫy với ông Đ, bà T thì bà N không biết ông H có nợ tiền, nợ cà phê nhân xô của bà T hay không. Giữa bà N và ông Đ, bà T chỉ có việc mua bán rẫy và đã thực hiện xong, bà N cũng không nghe hay có thỏa thuận gì về việc tiền mua đất của bà N sẽ được dùng vào việc ông H trả nợ cho bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Nho H có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T tổng số tiền 737.141.666 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc theo giấy vay ngày 22/12/2010 là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 244.794.666 đồng và số tiền 292.347.000 đồng quy thành tiền đối với giấy mượn cà phê ngày 21/01/2012 dương lịch.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu đối với số tiền lãi 50.138.667 đồng của nguyên đơn ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/02/2023, bị đơn ông Nguyễn Nho H kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, ghi nhận việc ông Nguyễn Nho H đã thanh toán toàn bộ số nợ 200.000.000 đồng và số lượng 16.685kg cà phê nhân xô cho ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:***

Ông H thừa nhận có viết và ký giấy vay số tiền 200.000.000 đồng, theo Giấy vay ngày 22/12/2010 và vay 16.685 kg cà phê nhân xô theo giấy vay ngày 21/01/2012 (nhưng việc vay cà phê là quy đổi từ việc mua 3ha đất rẫy của bà T quy ra nợ cà phê). Tuy nhiên, trong quá trình vay ông H có trả cho bà T cụ thể như sau: Sau khi ông H bán đất cho bà N, số tiền 350.000.000đ tiền bán đất bà N đã trực tiếp trả cho bà T. Trong đó bà T đưa trả cho ngân hàng P 243.500.000 đồng, bà T kê các khoản tiền khác như: Tiền lãi ngày 3.700.000đ, lãi ngày 4.500.000đ (những khoản này ông H không nhớ vì ông H với bà T làm ăn với nhau và vay mượn nhiều lần); 300.000đ thuế E, 80.000đ môi trường E, 300.000đ thuế môi trường, 500.000đ phạt trả trước hạn, 500.000đ làm hồ sơ; 6.000.000đ tiền chi. Tổng tiền bà T tự ghi bà T chi ra là 259.430.000 đồng.

- Số tiền 350.000.000đ bà N trả trực tiếp cho bà T, bà T trừ đi 50.000.000đ tiền cọc đất ông H nhận từ ông V, bà N thì còn 300.000.000đ bà T trừ cho 259.430.000đ tiền bà T chi ra còn dư của ông H 40.570.000đ, cộng số

tiền 910.000đ là tiền lãi từ số tiền 40.570.000đ trong 27 ngày. Số tiền còn lại là 41.480.000đ là tiền thừa của ông H.

Ông H mua 3ha diện tích đất rẫy cà phê của bà T, quy ra thành 16.685kg cà phê. Tại giấy ghi ngày 26-2 và ngày 10-3 âm lịch bà T ghi chốt 16.685 kg - 7350 kg = 9.335 kg, tức là sau khi trừ đi số lượng 7.350kg đã chốt trả thì ông H còn nợ là 9.335kg.

Ngày 26-02 (không ghi năm) ông H nhớ là năm 2012, chốt 5.000kg cà phê giá 40.400đ/kg = 202.000.000đ. Số tiền này bà T tính lãi là 2,5% x 14 ngày = 2.350.000đ.

Ngày 10-3 (âm lịch), không ghi năm nhưng ông H nhớ là năm 2012, chốt 4.335kg cà phê giá 40.200đ = 174.267.000đ. Số tiền chốt cà phê 2 ngày trên cộng lại với nhau là 378.617.000đ, bà T cộng thêm 5.210.000đ tiền lãi và phạt ngân hàng thì tổng tiền là 383.827.000đ, trừ đi tiền thừa ngân hàng 41.480.000đ. Còn lại ông H nợ bà T là 342.347.000đ. Trừ tiếp đi 50.000.000đ tiền cọc đất (là tiền cọc đất ngày 15/3/2012 ông H nhận của bà N, ông V), còn nợ lại bà T số tiền 292.347.000đ.

Ngày 11-4, không ghi ngày nhưng ông H nhớ là năm 2012, bà N, ông V đưa cho bà T 180 triệu, bà T (trả lại cho ông V 10 triệu), trừ 1 triệu chi phí gì đó ông H không nhớ, còn 179 triệu đồng. Bà T tính lãi trên 179 triệu đồng trong 1 tháng 22 ngày là 7.755.000 đồng, cộng thêm 80 triệu đồng ông H đã trả cho bà T ngày 2-6, tổng cộng ông H đã trả cho bà T số tiền 266.755.000đ.

- Số tiền 292.347.000đ là tiền gốc ông H nợ bà T từ ngày 10-3-2012 dương lịch, đến ngày 2-6-2012 bà T tính lãi 2 tháng 22 ngày là 19.950.000 đồng. Tổng cộng ông H nợ bà T gốc và lãi là 312.297.000đ, cộng thêm 1.220.000đ là tiền hội làng đóng cho bà T. Tổng cộng ông H nợ bà T là 313.517.000đ - 266.755.000đ (ông H đã trả cho bà T) = 46.762.000đ, bà T ghi tính đến 2-6 còn nợ T 46.762.000đ. Như vậy, sau khi hai bên tính toán và chốt đến ngày 2-6 ông H còn nợ bà T 46.762.000đ, số tiền 46.762.000đ ông H cũng đã trả cho bà T tuy nhiên ông H không có chứng cứ chứng minh.

Từ những phân tích trên tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Nho H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông H trả cho ông Đ, bà T số tiền 200.000.000đ cộng với lãi phát sinh và 16.685kg cà phê nhân xô.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn

Nho H, sửa bản dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo hướng buộc ông Nguyễn Nho H có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T số tiền 46.762.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Nho H làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Nho H cho rằng đã thanh toán toàn bộ số nợ 200.000.000 đồng và 16.685 kg cà phê nhân xô cho ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án ông H thừa nhận có viết và ký giấy vay số tiền 200.000.000 đồng, theo Giấy vay ngày 22/12/2010 và vay 16.685 kg cà phê nhân xô theo giấy vay ngày 21/01/2012 (nhưng việc vay cà phê là quy đổi từ việc mua 3ha đất rẫy của bà T quy ra nợ cà phê). Như vậy, việc ông H có vay của bà T ông Đ 200.000.000đ và 16.685 kg cà phê nhân xô là có thật và đã được ông H thừa nhận. Tuy nhiên, trong quá trình vay ông H trình bày có trả cho bà T cụ thể như sau: Sau khi ông H bán đất cho bà N, số tiền 350.000.000đ tiền bán đất bà N đã trực tiếp trả cho bà T. Trong đó bà T đưa trả cho ngân hàng P 243.500.000 đồng (cả gốc và lãi), bà T kê các khoản tiền khác như: Tiền lãi ngày 3.700.000đ, lãi ngày 4.500.000đ (những khoản này ông H không nhớ vì ông H với bà T làm ăn với nhau và vay mượn nhiều lần); 300.000đ thuế E, 80.000đ môi trường E, 300.000đ thuế môi trường, 500.000đ phạt trả trước hạn, 500.000đ làm hồ sơ; 6.000.000đ tiền chi. Tổng tiền bà T tự ghi bà T chi ra là 259.430.000 đồng.

- Số tiền 350.000.000đ bà N trả trực tiếp cho bà T, bà T trừ đi 50.000.000đ tiền cọc đất ông H nhận từ ông V, bà N thì còn 300.000.000đ bà T trừ cho 259.430.000đ tiền bà T chi ra thì còn dư của ông H 40.570.000đ, cộng số tiền 910.000đ là tiền lãi từ số tiền 40.570.000đ trong 27 ngày. Số tiền còn lại là 41.480.000đ là tiền thừa của ông H.

Ông H mua 3ha diện tích đất rẫy cà phê của bà T, quy ra thành 16.685kg cà phê. Tại giấy ghi ngày 26-2 và ngày 10-3 âm lịch bà T ghi chót 16.685 kg -

7350 kg = 9.335 kg, tức là sau khi trừ đi số lượng 7.350kg đã chốt trả thì ông H còn nợ là 9.335kg.

Ngày 26-02 (không ghi năm) ông H nhớ là năm 2012, chốt 5.000kg cà phê giá 40.400đ/kg = 202.000.000đ. Số tiền này bà T tính lãi là 2,5% x 14 ngày = 2.350.000đ.

Ngày 10-3 (âm lịch), không ghi năm nhưng ông H nhớ là năm 2012, chốt 4.335kg cà phê giá 40.200đ = 174.267.000đ. Số tiền chốt cà phê 2 ngày trên cộng lại với nhau là 378.617.000đ, bà T cộng thêm 5.210.000đ tiền lãi và phạt ngân hàng, tổng cộng số tiền 383.827.000đ, trừ đi tiền thừa ngân hàng 41.480.000đ. Còn lại ông H nợ bà T là 342.347.000đ, trừ tiếp đi 50.000.000đ tiền cọc đất (là tiền cọc đất ngày 15/3/2012 ông H nhận của bà N, ông V), còn nợ lại bà T số tiền 292.347.000đ.

Ngày 11-4, không ghi ngày nhưng ông H nhớ là năm 2012, bà N, ông V đưa cho bà T 180 triệu, bà T trả lại cho ông V 10 triệu, trừ 1 triệu chi phí gì đó ông H không nhớ, còn 179 triệu đồng. Bà T tính lãi trên 179 triệu đồng trong 1 tháng 22 ngày là 7.755.000 đồng, cộng thêm 80 triệu đồng ông H đã trả cho bà T ngày 2-6, tổng cộng ông H đã trả cho bà T số tiền 266.755.000đ.

- Số tiền 292.347.000đ là tiền gốc ông H nợ bà T từ 10-3-2012 dương lịch, đến ngày 2-6-2012 bà T tính lãi 2 tháng 22 ngày là 19.950.000 đồng. Tổng cộng ông H nợ bà T gốc và lãi là 312.297.000đ, cộng thêm 1.220.000đ là tiền hội làng đóng cho bà T. Tổng cộng ông H nợ là 313.517.000đ -266.755.000đ (ông H đã trả cho bà T) thì ông H còn nợ bà T là 46.762.000đ, bà T ghi tính đến 2-6 còn nợ T 46.762.000đ.

Quá trình đối chất tại Tòa án cấp phúc thẩm bà T thừa nhận những chứng cứ là các giấy viết tay ghi ngày 26-2 và 10-3 cả mặt trước và mặt sau và một giấy viết tay ghi bằng mực tím do bà T và ông H cung cấp (bản gốc) đều do bà T ghi, tuy nhiên bà T cho rằng, đây chỉ là giấy nháp, những số liệu và nội dung bà T ghi ra là dự kiến cho ông H trả tiền cho bà T, chứ hai bên chưa tất toán với nhau và ông H chưa trả tiền trên thực tế nên ông H không lấy lại giấy vay nợ 200 triệu đồng và giấy vay cà phê số lượng 16.685kg và ông H không cung cấp được tài liệu, chứng minh được ông H đã trả nợ cho bà T.

Xét ý kiến của bà T cho rằng những con số trên là dự kiến để ông H trả nợ là không đúng thực tế. Bởi lẽ, bà T không thể biết các khoản như tiền phạt ngân hàng trả trước hạn, tiền thuế, phí môi trường, tiền làm hồ sơ...là bao nhiêu để mà dự kiến vì đây là những con số cụ thể, và trong các khoản bà T tính tiền lãi thì đều có số ngày cụ thể thì đây không thể là những khoản dự kiến. Do vậy, lời trình bày của bà T là không có căn cứ pháp lý và không phù hợp với thực tế diễn ra.

Xét thấy toàn bộ diễn giải của ông H là có tính logic và phù hợp với lời khai của bà N xác định có việc bà N chuyển nhượng đất của ông H nhưng do đất đứng tên bà T nên bà N làm thủ tục chuyển nhượng trực tiếp từ bà T và bà N giao tiền chuyển nhượng đất cho bà T số tiền 540.000.000đ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà bà T ghi vào các giấy viết tay đề ngày 26-2 và 10-3 cả mặt trước và mặt sau và một giấy viết tay ghi bằng mực tím đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở xác định ông H chỉ còn nợ bà T số tiền 46.762.000đ.

Xét ý kiến của ông H cho rằng số tiền 46.762.000đ ông đã trả cho bà T nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Nho H, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, buộc ông Nguyễn Nho H có trách nhiệm trả cho bà Mạc Thị T và ông Nguyễn Quang Đ số tiền 46.762.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ, bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông H có trách nhiệm trả cho ông Đ bà T số tiền 200.000.000đ gốc và lãi phát sinh cộng với 16.685 kg cà phê nhân xô. Tuy nhiên, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H trả cho ông Đ, bà T số tiền 46.762.000đ. Nên ông Đ, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do bị bác yêu cầu cụ thể:

Theo biên bản xác minh 06/2/2023 thì giá cà phê ngày 06/02/2023 là 43.500đ/kg; 16.685 kg x 43.500đ= 725.797.500đ

$$725.797.500đ - 46.762.000đ = 679.035.500đ$$

Số tiền 494.933.333đ (tiền gốc và lãi vay bị bác yêu cầu) + 679.035.500đ (yêu cầu trả cà phê bị bác yêu cầu) = 1.173.968.833đ.

Số tiền án phí phải chịu là 36.000.000đ + 373.968.833đ x 3% = 47.219.064đ

Như vậy, ông Đ, bà T phải chịu 47.220.000đ (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Nguyễn Nho H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Nho H – Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ:

Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Nho H có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T số tiền 46.762.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 494.933.333đ (tiền gốc và lãi vay) và 679.035.500đ tiền nợ cà phê của nguyên đơn ông Vũ Quang Đ và bà Mạc Thị T.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Nho H phải chịu 2.338.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Quang Đ, bà Mạc Thị T phải chịu 47.220.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 22.905.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0003731 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Ông Vũ Quang Đ, bà Mạc Thị T còn phải nộp số tiền 24.315.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Nho H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Nho H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0000275, ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Hằng